

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 21 tháng 01 năm 2025  
*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Phước Tân và bà Nguyễn Thị Lợi.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1222/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1999; nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Bùi Thành T, sinh năm 1993, nơi thường trú: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin không tham gia phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày: Hôn nhân giữa bà ý và ông T tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 03/11/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông T thường tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn. Gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không từ bỏ, từ đó làm mất hạnh

phúc gia đình và hai người đã ly thân khoảng 02 năm nay. Trong thời gian ly thân, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ý xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Ý và ông T có 02 con chung. 1/ Bùi Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/9/2017; 2/ Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/8/2019. Hiện 02 con đang được bên gia đình ông T nuôi dạy. Khi ly hôn, bà Ý đồng ý giao 02 con chung cho bên gia đình ông T trực tiếp nuôi dạy.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án. Bà Ý có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai ông T và ghi ý kiến con chưa thành niên.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2025, ông Bùi Thành T trình bày: Ông T thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị Như Ý về mối quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn trong hôn nhân. Ông T cũng đồng ý ly hôn nhưng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 22/11/2024, cháu Bùi Nguyễn Thành Đ trình bày: Cháu là con ruột của ông T và bà Ý, hiện cháu thấy cha mẹ đã không còn sống chung với nhau đã lâu, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với cha và ông bà nội, cháu không yêu cầu gì đối với mẹ cháu.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố trình bày của bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Bùi Thành T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn và việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ý khởi kiện xin ly hôn với ông T và đồng ý để ông T được trực tiếp nuôi con chung, ông T đăng ký thường trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Ý và ông T vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ý và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Việc bà Ý xin ly hôn và Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyên nhân bà Ý xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, hai người đã ly thân trên 2 năm. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà Ý và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ý. Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thì ông T cũng đồng ý ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Ý và ông T có 02 con chung, 1/ Bùi Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/9/2017; 2/ Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/8/2019. Hiện 02 con chung đang được bên gia đình ông T nuôi dạy. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung sau ly hôn; bà Ý cũng thống nhất. Sự thỏa thuận này cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Bùi Nguyễn Thành Đ; phù hợp điều kiện sinh hoạt, ăn học của cháu Bùi Nguyễn Duy K; hạn chế ảnh hưởng tâm sinh lý và điều kiện sống của các cháu. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Giao cả 02 con chung cho ông T nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà Ý cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ý là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Như Ý,

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Bùi Thành T.

Về con chung: Ông Bùi Thành T được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung: Bùi Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/9/2017 và Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/8/2019.

Bà Nguyễn Thị Như Ý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Ý trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bà Ý không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Ý phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010135 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (Bà Ý đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt các đương sự. Bà Nguyễn Thị Như Ý và ông Bùi Thành T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt Bản án này theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Quốc Thái, h. An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Đỗ Ngọc Mai Thy**